

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 554/2026/DS-PT

Ngày: 29/6/2026

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Tính.

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 và 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 326/2026/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2026/DS-ST, ngày 16/3/2026 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1099/2026/QĐ-PT ngày 19/5/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Thị Minh K, sinh năm 1984; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ C, ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Trần Hữu N, sinh năm 1986; (có mặt)

Địa chỉ: Số F, khóm T, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N:

Luật sư Nguyễn Văn H - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; (có mặt)

Địa chỉ: H - ấp B, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

*. *Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Hữu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. *Theo án sơ thẩm, nguyên đơn Trần Thị Minh K trình bày:* Căn cứ vào biên nhận mượn tiền ngày 27/7/2025, ông N có ký tên xác nhận mượn bà K số tiền là 4.300.000.000 đồng. Mục đích vay tiền ông N nói với bà K là để làm ăn. Thời gian vay là 01 tháng. Lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng (có ghi trong biên nhận mượn tiền). Ông N đã đồng ý với mức lãi suất này và ký tên, nhận tiền của

bà K. Đến hạn trả tiền, ông N không trả tiền cho bà K, tiền lãi ông N cũng không đóng cho bà K. Bà K nhiều lần yêu cầu ông N phải hoàn trả tiền gốc cho bà K và thanh toán tiền lãi nhưng ông N tránh né, không chịu trả, còn hứa hẹn với bà K hết lần này đến lần khác;

Bà Trần Thị Minh K làm đơn khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Trần Hữu N phải có trách nhiệm trả tiền cho bà Trần Thị Minh K số tiền gốc là 4.300.000.000 đồng. Tiền lãi tạm tính từ ngày 27/7/2025 đến ngày 16/9/2025 (tạm tính là 01 tháng 20 ngày) x 03%/tháng thành tiền 215.000.000 đồng. Tổng cộng là 4.515.000.000 đồng; Yêu cầu tiếp tục tính lãi suất 03%/tháng từ ngày 16/5/2025 đến khi bị đơn trả hết số tiền nợ cho bà K đối với số tiền gốc là 4.300.000.000 đồng.

Bà K xác định lại yêu cầu tiền gốc và lãi như sau: Tiền vay gốc 4.300.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 28/7/2025 đến ngày 28/01/2026 là 06 tháng, với lãi suất 1,66% cụ thể như sau: 4.300.000.000 đồng x 1,66% x 06 tháng thành tiền 428.280.000 đồng. Bà K yêu cầu ông Trần Hữu N trả số tiền vay và gốc tổng cộng là (4.300.000.000 đồng + 428.280.000 đồng) thành tiền 4.728.280.000 đồng.

*. *Bị đơn ông Trần Hữu N trình bày:* Ông N thừa nhận có vay của bà K số tiền vay gốc là 4.300.000.000 đồng và ông N có viết biên nhận vào ngày 27/7/2025, thống nhất số tiền lãi theo lãi suất bà K yêu cầu là 428.280.000 đồng. Ông N đồng ý trả số tiền vay và gốc cho bà K là 4.728.280.000 đồng (bốn tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), bà K và ông N đã thống nhất hòa giải thành;

Đến ngày 11/02/2026, ông N có văn bản thay đổi ý kiến và yêu cầu hủy kết quả hòa giải thành ngày 06/02/2026. Với lý do, qua nhiều ngày suy nghĩ thì số nợ 4.728.280.000 đồng mà ông N công nhận với bà K quá thiệt thòi quyền lợi cho ông N, số tiền ông N nợ bà K không phải con số này và trong quá trình vay tiền ông N đã đóng lãi cho bà K rất nhiều với lãi suất rất cao 9%/tháng nên việc công nhận nợ 4.728.280.000 đồng là không đảm bảo quyền lợi của ông N và tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2026/DS-ST, ngày 16/3/2026 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp đã Quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh K.

Buộc ông Trần Hữu N trả cho bà Trần Thị Minh K số tiền vay và lãi là 4.810.591.000 đồng (bốn tỷ, tám trăm mười triệu, năm trăm chín mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hữu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 112.810.591 đồng (một trăm mười hai triệu tám trăm mười nghìn năm trăm chín mươi một đồng).

Bà Trần Thị Minh K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.258.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010644 ngày 16/12/2025 của Thi hành án dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/3/2026, bị đơn Trần Hữu N kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Ông Trần Hữu N chỉ đồng ý trả cho bà Trần Thị Minh K số tiền 3.410.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Trần Hữu N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với nội dung: Ông Trần Hữu N chỉ đồng ý trả cho bà Trần Thị Minh K số tiền 3.410.000.000 đồng;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị đơn đưa ra nhiều luận cứ và cho rằng: Trong số tiền mà ông N ghi biên nhận ngày 27/7/2025 thì giữa ông N, ông T và bà K có thỏa thuận khác là ông T sẽ trả thay cho ông N số tiền 2,6 tỷ đồng trong số tiền 4,3 tỷ đồng và ông T có viết biên nhận cho bà K, vì số tiền 4,3 tỷ đồng mà ông N vay của bà K là ông N cho ông T vay lại nhưng không cung cấp được chứng cứ về việc thỏa thuận 03 bên và đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hữu N;

Nguyên đơn bà Trần Thị Minh K đồng ý trừ 20.000.000 đồng vào vốn gốc 4.300.000.000 đồng và tính lãi suất từ ngày 20/10/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/3/2026. Ông Trần Hữu N có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền vốn gốc 4.280.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/10/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/3/2026 theo mức lãi suất 1,66%/tháng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đưa ra nhiều luận cứ như án sơ thẩm đã nhận định về số nợ ông N nợ bà K và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị Minh K đồng ý trừ 20.000.000 đồng vào vốn gốc 4.300.000.000 đồng và tính lãi

suất từ ngày 20/10/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/3/2026. Ông Trần Hữu N có nghĩa vụ trả cho bà K số tiền vốn gốc 4.280.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/10/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/3/2026 theo mức lãi suất 1,66%/tháng và đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hữu N, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Minh K thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo của ông Trần Hữu N và biên nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm của ông N thì ông N kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, đương sự có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Hữu N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Biên nhận mượn tiền ngày 27/7/2025 do bà Trần Thị Minh K cung cấp thì bà K có cho ông Trần Hữu N vay số tiền 4.300.000.000 đồng, thời gian mượn 01 tháng lãi suất (3%) do ông N tự viết và ký tên. Biên nhận được bị đơn ông Trần Hữu N thừa nhận là do ông N tự viết và ký tên vào biên nhận;

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Trần Hữu N và người đại diện ủy quyền của bị đơn cho rằng: Sau khi tính toán sao kê lại các khoản tiền đã chuyển cho nguyên đơn, bị đơn xác định số tiền 4,3 tỷ đồng trong biên nhận đã bao gồm tiền lãi, bị đơn chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 3.410.000.000 đồng và đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền gốc 3.410.000.000 đồng. Đối với lãi suất sau ngày viết biên nhận (ngày 27/7/2025) đến nay, bị đơn không đồng ý trả lãi cho nguyên đơn do hiện tại hoàn cảnh bị đơn đang khó khăn;

Bị đơn ông Trần Hữu N cung cấp 75 Giấy báo nợ sao kê tại Ngân hàng C - Chi nhánh Đ số tiền ông N chuyển cho bà K từ ngày 17/6/2024 đến ngày 19/10/2025 theo bị đơn tự xác định tổng cộng số tiền gốc chuyển trả cho bà K trong thời gian trên là 7.770.000.000 đồng và lãi là 959.600.000 đồng (trong đó bao gồm số tiền lãi chuyển sau ngày viết biên nhận 27/7/2025 là 20.000.000 đồng gồm 03 Giấy báo nợ ngày 20/9/2025 chuyển số tiền 5.000.000 đồng, ngày

23/9/2025 chuyển số tiền 10.000.000 đồng và ngày 19/10/2025 chuyển số tiền 5.000.000 đồng).

Nguyên đơn Trần Thị Minh K cho rằng: Do cả hai làm ăn trong thời gian dài, các khoản tiền gốc hay lãi đều do bị đơn tự chuyển, rồi tự xác định lãi, chỉ có lần cuối cùng bà K và ông N ngồi cộng lại xác định ông N còn thiếu bà K tiền gốc là 4.300.000.000 đồng và ông N đã viết biên nhận ngày 27/7/2025. Nên bà K không thống nhất với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tìm các giao dịch trước đó đã kết thúc để tự xác định, tự tính lãi là 0,3%/ngày (tương đương 9%/tháng);

Tại phiên tòa, ông N cho rằng: Trong số tiền mà ông N ghi biên nhận ngày 27/7/2025 thì giữa ông N, ông T và bà K có thỏa thuận khác là ông T sẽ trả thay cho ông N số tiền 2,6 tỷ đồng trong số tiền 4,3 tỷ đồng và ông T có viết biên nhận cho bà K, vì số tiền 4,3 tỷ đồng mà ông N vay của bà K là ông N cho ông T vay lại nhưng không cung cấp được chứng cứ về việc thỏa thuận 03 bên như ông N trình bày;

Bà K cũng thừa nhận là ông T có viết biên nhận vay của bà K 2,6 tỷ đồng là tiền ông T nợ bà K, không có liên quan gì đến ông N, không có sự thỏa thuận 03 bên như lời trình bày của ông N.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 27/7/2025, các bên đều thừa nhận là ngày tổng kết nợ và đã xác định ông N còn nợ bà K số tiền 4.300.000.000 đồng nên ông N đã viết biên nhận nợ ngày 27/7/2025 với số nợ là 4.300.000.000 đồng nên có căn cứ xác định ông N nợ bà K số tiền 4.300.000.000 đồng;

Do đó, các giao dịch trước ngày 27/7/2025, hai bên đã thanh toán xong và chỉ tính nợ mà ông N nợ bà K từ ngày 27/7/2025;

Nội dung các lần chuyển tiền chỉ thể hiện ông Trần Hữu N chuyển trả tiền mượn cho bà K chỉ thể hiện ông Trần Hữu N chuyển, không thể hiện nội dung là chuyển tiền gì;

Sau ngày viết biên nhận ngày 27/7/2025, ông N không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện ông N có trả lãi với mức lãi suất 0,3%/ngày (tương ứng 9%/tháng) cho bà K;

Bà K đồng ý trừ 20.000.000 đồng theo 03 giấy báo nợ ngày 20/9/2025 chuyển số tiền 5.000.000 đồng, ngày 23/9/2025 chuyển số tiền 10.000.000 đồng và ngày 19/10/2025 chuyển số tiền 5.000.000 đồng mà ông N đã chuyển vào tài khoản của bà K vào số tiền vốn gốc 4.300.000.000 đồng và bà K yêu cầu tính tiền lãi phát sinh từ ngày 20/10/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/3/2026 theo mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp;

Như vậy, ông N phải có nghĩa vụ trả vốn gốc cho bà K là 4.280.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 20/10/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/3/2026 là 05 tháng 26 ngày, lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền là 416.814.933 đồng. Tổng cộng vốn gốc và tiền lãi phát sinh ông N có nghĩa vụ

trả cho bà K là 4.696.814.933 đồng;

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hữu N cho nên cần sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hữu N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Hữu N;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2026/DS-ST, ngày 16/3/2026 của Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Minh K.

Buộc ông Trần Hữu N trả cho bà Trần Thị Minh K số tiền vay và tiền lãi là 4.696.814.933 đồng (bốn tỷ, sáu trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm mười bốn ngàn, chín trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hữu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 112.696.815 đồng (một trăm mười hai triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn, tám trăm mười lăm đồng).

Trả lại bà Trần Thị Minh K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà K đã nộp 56.258.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010644 ngày 16/12/2025 của Thi hành án dân tỉnh Đồng Tháp.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Hữu N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên trả lại cho ông N số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà ông N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004473 ngày 30/3/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 29/6/2026, có mặt ông N.

***. Nơi nhận:**

- TPT-TANDTC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 6;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Vĩnh Hữu